UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 584 /QĐ-TTPTQĐ

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 84 (tám mươi bốn) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (đợt 2 - tháng 9/2026)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê ngắn hạn do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;

Căn cứ Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc uỷ quyền phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Thực hiện Thông báo số 766/TB-VP ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng về kết luận cuộc họp giao ban ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố; Công văn số 9361/VP-ĐTĐT ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố về việc triển khai Thông báo số 126-TB/ĐU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy UBND thành phố;

Thực hiện Kế hoạch số 62/KH-TTPTQĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất về "Chiến dịch 90 ngày đêm tổ chức khai thác ngắn hạn hiệu quả quỹ nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất đang quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đấu giá và Giá đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 84 (tám mươi bốn) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (đợt 02 - tháng 09/2026) tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ danh mục và đơn giá khởi điểm tại Điều 1 nêu trên, Phòng Đấu giá và Giá đất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê đất ngắn hạn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Trung tâm; Trưởng các phòng: Phòng Đấu giá và Giá đất; Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất; Phòng Bồi thường, Giải phóng mặt bằng và Đo đạc; Giám đốc các Chi nhánh khu vực trực thuộc Trung tâm và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT;
- Lưu VT, ĐG&GĐ.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Võ Nguyên Chương

cuongnuv-d25/03/2026 14:33:42 12 cuongdgnhuyendongnt - bugdgnhuyendongnt

PHỤ LỤC

Danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 84 (tám mươi bốn) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 584/QĐ-TTPTQĐ ngày 25/ 9 /2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng)

STT	Danh mục nhà, đất	Xã, phường	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m^2)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m^2đất/năm)
I	***Phường Tam Kỳ, phường Bàn Thạch***						
1	*Cơ sở nhà, đất tại số 142 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch*	*Phường Bàn Thạch*	*Thương mại, dịch vụ*	*3.213,4*	*2.080,0*	*60 tháng*	*263.166*
2	*Cơ sở nhà đất tại địa chỉ số 159 Phan Châu trinh, phường Tam Kỳ*	*Phường Tam Kỳ*	*Thương mại, dịch vụ*	*213,6*	*322,8*	*60 tháng*	*465.901*
3	*Cơ sở nhà, đất tại địa chỉ số 351 Phan Châu trinh*	*Phường Tam Kỳ*	*Thương mại, dịch vụ*	*159,7*	*287,9*	*60 tháng*	*415.041*
4	*Cơ sở nhà, đất tại số 16 Lê Lợi, phường Tam Kỳ*	*Phường Tam Kỳ*	*Thương mại, dịch vụ*	*1.084,8*	*579,3*	*60 tháng*	*243.390*
II	***Phường Hải Châu***						
1	*K280/11 Hoàng Diệu, phường Hải Châu (TYT Phước Ninh cơ sở 2 (cũ)/TYT Bình Hiên (cũ))*	*Phường Hải Châu*	*Thương mại dịch vụ*	*508,10*	*410,97*	*60 tháng*	*470.717*
2	*239 Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu (TYT Hải Châu cơ sở 1 (cũ))*	*Phường Hải Châu*	*Thương mại dịch vụ*	*102,70*	*225,22*	*60 tháng*	*966.586*
3	*Cơ sở nhà, đất Công an phường Thạch Thang (cũ)*	*Phường Hải Châu*	*Thương mại dịch vụ*	*110,20*	*320,00*	*60 tháng*	*1.199.004*
4	*Cơ sở nhà, đất Công an phường Hải Châu 1 (cũ)*	*Phường Hải Châu*	*Thương mại dịch vụ*	*137,40*	*511,00*	*60 tháng*	*1.209.495*

III	***Phường Sơn Trà***						
1	*Trường Mầm non Họa Mi - CS3*	*Phường Sơn Trà*	*Nhà kho*	*154,70*	*95,37*	*60 tháng*	*383.641*
2	*Trạm Kiểm lâm Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn*	*Phường Sơn Trà*	*Cơ sở sản xuất, kho bãi*	*1.056,00*	*131,00*	*60 tháng*	*735.293*
IV	***Phường Thanh Khê***						
1	*Khu đất tại số 86 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê*	*Phường Thanh Khê*	*Kho bãi*	*923,60*	*229,70*	*60 tháng*	*203.278*
2	*Khu đất tại số 88 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê*	*Phường Thanh Khê*	*Kho bãi*	*1.162,70*	*519,20*	*60 tháng*	*656.920*
3	*Khu đất tại số 90 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê*	*Phường Thanh Khê*	*Bãi đậu xe*	*999,00*	*529,80*	*60 tháng*	*194.972*
V	***Phường An Hải***						
1	*Trường Tiểu học Tiểu La - Cơ sở lẻ - 440 Ngô Quyền*	*Phường An Hải*	*Bãi đậu xe*	*1.348,2*	*0,0*	*60 tháng*	*621.875*
VI	***Xã Núi Thành***						
1	*Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành cũ) khối 3 xã Núi Thành*	*Phường Núi Thành*	*Thương mại dịch vụ*	*675,00*	*251,00*	*60 tháng*	*80.320*
2	*Trường TH Võ Thị Sáu (cũ)*	*Phường Núi Thành*	*Kho xưởng*	*3.167,50*	*235,20*	*60 tháng*	*12.444*
VII	***Xã Phước Năng***						
1	*Trường Mẫu giáo Họa My, xã Phước Năng*	*Xã Phước Năng*	*Kho xưởng*	*344,40*	*176,44*	*60 tháng*	*85.846*
2	*Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ (Điểm trường lẻ), Thôn 2, xã Phước Năng*	*Xã Phước Năng*	*Kho xưởng*	*369,00*	*82,00*	*60 tháng*	*7.020*

3	*Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ (Điểm trường lẻ), Thôn 9, xã Phước Năng*	*Xã Phước Năng*	*Kho xưởng*	*583,50*	*95,20*	*60 tháng*	*48.032*
VIII	***Phường Cẩm Lệ***						
1	*Cơ sở nhà, đất tại số 657 Trường Chinh*	*Phường Cẩm Lệ*	*Cơ sở giáo dục*	*2.760,0*	*1.982,0*	*60 tháng*	*581.787*
2	*Cơ sở nhà, đất tại số 48 Trường Sơn*	*Phường Cẩm Lệ*	*Nhà kho*	*956,3*	*500,0*	*60 tháng*	*417.514*
3	*Cơ sở nhà, đất tại số 307 Cách Mạng Tháng Tám*	*Phường Cẩm Lệ*	*Thương mại dịch vụ*	*197,6*	*569,0*	*60 tháng*	*1.106.447*
IX	***Phường Hòa Xuân***						
1	*Nhà văn hóa thôn Miếu Bông*	*Phường Hòa Xuân*	*Nhà kho*	*260,0*	*160,0*	*60 tháng*	*459.886*
2	*Trường mần non - Khu vực Đông Hòa*	*Phường Hòa Xuân*	*Cơ sở giáo dục*	*945,0*	*945,0*	*60 tháng*	*88.896*
3	*Khu đất ngã 3 Nguyễn Quang Lâm - Hoàng Châu Ký*	*Phường Hòa Xuân*	*Kho bãi*	*394,0*	*0,0*	*60 tháng*	*225.479*
X	***Xã Đại Lộc***						
1	*Trụ sở UBND thị trấn Ái Nghĩa cũ*	*Xã Đại Lộc*	*Thương mại, dịch vụ*	*3.124,0*	*2.080,0*	*60 tháng*	*96.315*
2	*Trụ sở Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp thôn Đại Phú*	*Xã Đại Lộc*	*Thương mại, dịch vụ*	*4.358,0*	*500,0*	*60 tháng*	*23.726*
3	*Trụ sở UBND xã Đại Hòa cũ*	*Xã Đại Lộc*	*Thương mại, dịch vụ*	*8.000,0*	*1.731,0*	*60 tháng*	*24.691*
4	*Trụ sở UBND xã Đại nghĩa (cũ)*	*Xã Đại Lộc*	*Thương mại, dịch vụ*	*3.500,0*	*1.200,0*	*60 tháng*	*788.685*

5	*Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đại Lộc (cũ)*	*Xã Đại Lộc*	*Thương mại, dịch vụ*	*8.000,0*	*1.731,0*	*60 tháng*	*38.327*
6	*Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đại Lộc cũ*	*Xã Đại Lộc*	*Thương mại, dịch vụ*	*895*	*609*	*60 tháng*	*892.182*
XI	***Xã Phú Ninh***						
1	*Trường Tiểu học Thái Phiên (cơ sở thôn Phước Thượng cũ)*	*Xã Phú Ninh*	*Cơ sở giáo dục/y tế*	*1.500*	*128*	*60 tháng*	*5.503*
2	*Trường Mẫu giáo Bình Minh (cơ sở thôn Trung Đàn cũ)*	*Xã Phú Ninh*	*Công trình giao thông, công trình kho bãi, nhà kho*	*1.500*	*112*	*60 tháng*	*4.373*
3	*Trường Tiểu học Thái Phiên (cơ sở Long Sơn)*	*Xã Phú Ninh*	*Cơ sở giáo dục/y tế*	*1.521*	*128*	*60 tháng*	*3.743*
4	*Đất Trường MG Ánh Hồng - Ngọc Tú*	*Xã Phú Ninh*	*Cơ sở giáo dục/y tế*	*1.553,3*	*100*	*60 tháng*	*6.185*
5	*Trường Tiểu học Thái Phiên (cơ sở 3)*	*Xã Phú Ninh*	*Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc công trình nhà kho, kho bãi*	*2.433,2*	*256*	*60 tháng*	*8.638*
6	*Đất Trường Tiểu học Lê Hoàn (Cơ sở Ngọc Tú)*	*Xã Phú Ninh*	*Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc công trình nhà kho, kho bãi*	*3.617,3*	*252*	*60 tháng*	*7.904*
XII	***Xã Chiên Đàn***						
1	*Thuế cơ sở 9 - 166 Huỳnh Thúc Kháng*	*Xã Chiên Đàn*	*Cơ sở giáo dục/y tế*	*2.656,3*	*1.545,3*	*60 tháng*	*110.499*
2	*Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Phú Ninh (cũ)*	*Xã Chiên Đàn*	*Cơ sở giáo dục/y tế*	*2.639,1*	*563,5*	*60 tháng*	*67.143*
3	*Trụ sở làm việc HĐND - UBND, UBMTTQVN xã Tam Đàn*	*Xã Chiên Đàn*	*Cơ sở giáo dục/y tế*	*2.350*	*620,0*	*60 tháng*	*48.887*

4	*Trạm Y tế Thị trấn Phú Thịnh (cũ), Thôn Thạnh Đức, xã Chiên Đàn*	*Xã Chiên Đàn*	*Cơ sở giáo dục/y tế*	*1.300*	*324,2*	*60 tháng*	*130.705*
5	*Kho bạc Nhà nướcPhú Ninh cũ – 57 Phan Châu Trinh,*	*Xã Chiên Đàn*	*Thương mại, dịch vụ*	*3.989,41*	*797*	*60 tháng*	*79.401*
6	*Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tam Đàn cũ*	*Xã Chiên Đàn*	*Thương mại, dịch vụ*	*4.800*	*480*	*60 tháng*	*40.004*
7	*Trung tâm mồ côi sơ sinh tỉnh Quảng Nam*	*Xã Chiên Đàn*	*Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc công trình nhà kho, kho bãi*	*2.000*	*280*	*60 tháng*	*10.212*
XIII	***Xã Hiệp Đức***						
1	*Trạm y tế Hiệp Thuận cũ*	*Xã Hiệp Đức*	*Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc công trình nhà kho, kho bãi*	*1.870*	*341*	*60 tháng*	*77.908*
XIV	***Phường Hội An***						
1	*Phòng TNMT cũ (hiện trạng chưa sử dụng)*	*Phường Hội An*	*Thương mại, dịch vụ*	*1.047,7*	*748,1*	*60 tháng*	*517.876*
2	*Phòng QLĐT cũ (hiện trạng chưa sử dụng)*	*Phường Hội An*	*Thương mại, dịch vụ*	*2.234,7*	*748,1*	*60 tháng*	*404.986*
XV	***Phường Hội An Tây***						
1	*Trường Mẫu giáo Cẩm Hà cơ sở 2*	*Phường Hội An Tây*	*Cơ sở giáo, dục y tế*	*536,0*	*164,0*	*60 tháng*	*64.951*
XVI	***Xã Quế Sơn***						
1	*Tổ Kiểm lâm địa bàn Quế Sơn - Thôn Lãnh Thượng 2, xã Quế Sơn (Trạm Kiểm lâm Quế Sơn cũ)*	*Xã Quế Sơn*	*Thương mại, dịch vụ*	*1.440*	*533,5*	*60 tháng*	*33.835*
XVII	***Xã Duy Nghĩa***						

1	*Trạm y tế Duy Thành, Thôn Thi Thại*	*Xã Duy Nghĩa*	*Thương mại, dịch vụ*	*2.270,0*	*1.000,0*	*60 tháng*	*7.403*
2	*Trạm y tế Duy Nghĩa, Thôn Hội Sơn*	*Xã Duy Nghĩa*	*Thương mại, dịch vụ*	*4.598,0*	*495,0*	*60 tháng*	*10.554*
XVIII	***Xã Hòa Vang***						
1	*Phòng đọc báo tại Xã Hòa Phú (nay là Hòa Vang) - Hội nhà báo*	*Xã Hòa Vang*	*Thương mại, dịch vụ*	*114,0*	*78,8*	*60 tháng*	*47.991*
2	*Chi cục kiểm lâm - Trạm Kiểm lâm Phú Túc*	*Xã Hòa Vang*	*Thương mại, dịch vụ*	*362,0*	*80,0*	*60 tháng*	*36.848*
3	*Đội Thuế xã Hòa Phong (cũ), xã Hòa Vang*	*Xã Hòa Vang*	*Thương mại, dịch vụ*	*143,0*	*119,0*	*60 tháng*	*190.944*
4	*Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 1/xã Hòa Phong*	*Xã Hòa Vang*	*Cơ sở giáo dục*	*141,0*	*41,8*	*60 tháng*	*89.422*
5	*Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 2/xã Hòa Phong*	*Xã Hòa Vang*	*Cơ sở giáo dục*	*439,0*	*70,0*	*60 tháng*	*41.396*
6	*Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 3/xã Hòa Phong*	*Xã Hòa Vang*	*Cơ sở giáo dục*	*220,4*	*83,0*	*60 tháng*	*40.798*
7	*Trường MN - Thôn Hòa Hải/xã Hòa Phú*	*Xã Hòa Vang*	*Cơ sở giáo dục*	*919,6*	*71,0*	*60 tháng*	*29.118*
8	*Trường TH Hòa Phong - KV An Tân (Theo BĐ 64), Thôn Đông Lâm*	*Xã Hòa Vang*	*Cơ sở giáo dục*	*880,5*	*0*	*60 tháng*	*34.992*
XIX	***Xã Nam Phước***						
1	*Trụ sở làm việc Trạm Kiểm dịch thực vật (của Chi cục Trồng trọt và*	*Xã Nam Phước*	*Thương mại, dịch vụ*	*3.188,5*	*279,8*	*60 tháng*	*35.042*

	Bảo vệ thực vật bàn giao), Thôn Câu Lâu Tây						
2	*Chi Cục thuế Duy Xuyên cũ (số 230 Điện Biên Phủ, TT Nam Phước), Thôn Long Xuyên*	*Xã Nam Phước*	*Thương mại, dịch vụ*	*855,0*	*764,2*	*60 tháng*	*126.299*
XX	***Xã Thăng Bình***						
1	*Cơ sở tại Trường MG Hà Lam cũ (Khu phố 8, tổ 11 cũ), (thửa 485 TBĐ 03)*	*Xã Thăng Bình*	*Cơ sở giáo, dục y tế*	*1.854,0*	*0,0*	*60 tháng*	*8.032*
2	*Cơ sở tại Trường MG Hà Lam cũ (Khu phố 2, tổ 4 cũ), đường Nguyễn Thuật (thửa 356 TBĐ 29)*	*Xã Thăng Bình*	*Thương mại, dịch vụ*	*466,8*	*0,0*	*60 tháng*	*44.075*
3	*Cơ sở tại Trường MG Hà Lam cũ (Khu phố 8, tổ 12 cũ), (thửa 387 TBĐ 06)*	*Xã Thăng Bình*	*Xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp*	*541,3*	*0,0*	*60 tháng*	*38.709*
4	*Cơ sở nhà, đất chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực X, 345 Tiểu La*	*Xã Thăng Bình*	*Thương mại, dịch vụ*	*255,1*	*166,0*	*60 tháng*	*129.233*
5	*Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình (cũ), 289 Tiểu La*	*Xã Thăng Bình*	*Thương mại, dịch vụ*	*472,4*	*251,0*	*60 tháng*	*135.830*
6	*Trụ sở TAND Huyện Thăng Bình (cũ), Tiểu La*	*Xã Thăng Bình*	*Thương mại, dịch vụ*	*2.757,4*	*1.220,0*	*60 tháng*	*106.119*
XXI	***Xã Thăng Điền***						
1	*Nhà Đội thuế Bình An (cũ)*	*Xã Thăng Điền*	*Thương mại, dịch vụ*	*120,0*	*147,6*	*60 tháng*	*63.183*
2	*Nhà Đội thuế Bình Trung (cũ)*	*Xã Thăng Điền*	*Thương mại, dịch vụ*	*147,0*	*72,0*	*60 tháng*	*20.909*
3	*Thuế cơ sở 8*	*Xã Thăng Điền*	*Thương mại, dịch vụ*	*200,0*	*50,0*	*60 tháng*	*17.183*

XXII	***Xã Đồng Dương***						
1	*Trường MG phân hiệu Sơn Cẩm Nga*	*Xã Đồng Dương*	*Cơ sở giáo dục*	*188,0*	*48,0*	*60 tháng*	*4.444*
2	*Trạm Y tế xã Bình Định Nam, Thôn Đồng Thanh Sơn*	*Xã Đồng Dương*	*Thương mại, dịch vụ*	*1.176,0*	*298,7*	*60 tháng*	*32.820*
3	*Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (phân hiệu thôn Việt Sơn)*	*Xã Đồng Dương*	*Xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp*	*1.550,0*	*300,0*	*60 tháng*	*3.116*
4	*Trường Mẫu giáo phân hiệu Việt Sơn*	*Xã Đồng Dương*	*Xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp*	*188,0*	*100,0*	*60 tháng*	*7.441*
5	*Trường MG phân hiệu Hiền Phong*	*Xã Đồng Dương*	*Xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp*	*238,0*	*90,0*	*60 tháng*	*130.025*
XXIII	***Phường Hòa Khánh***						
1	*TTDV việc làm Thôn An Ngãi Tây II, Hòa Sơn*	*Phường Hòa Khánh*	*Thương mại dịch vụ*	*398,0*	*189,0*	*60 tháng*	*179.410*
2	*Trường MN 1-6 (Khối Khánh Sơn cũ)*	*Phường Hòa Khánh*	*Thương mại dịch vụ*	*385,0*	*114,0*	*60 tháng*	*238.749*
3	*Trường MN công lập Hoà Sơn, Điểm trường Thôn Hoà Khê, xã Hoà Sơn cũ*	*Phường Hòa Khánh*	*Thương mại dịch vụ*	*256,0*	*83,0*	*60 tháng*	*41.801*
4	*Trường TH số 01 Hòa Sơn, Cơ sở 2 (khu vực thôn Đại La), Tổ Đại La*	*Phường Hòa Khánh*	*Thương mại dịch vụ*	*680,0*	*53,0*	*60 tháng*	*77.069*
XXIV	***Xã Hòa Tiến***						
1	*Đất trường mầm non Phú Sơn Nam, Thôn Phú Sơn Nam*	*Xã Hòa Tiến*	*Cơ sở giáo dục*	*564,0*	*126,8*	*60 tháng*	*28.761*

cuongdv25 06/12/2024 08:42:21 cuongdt - buoidynhevdongat

2	*Đất trường mầm non Phước Sơn cũ, Thôn 5*	*Xã Hòa Tiến*	*Cơ sở giáo dục*	*399,0*	*104,6*	*60 tháng*	*11.556*
3	*Kho chứa dụng cụ phòng chống thiên tai (Đất trường mầm non Gò Hà cũ), Thôn Gò Hà*	*Xã Hòa Tiến*	*Thương mại dịch vụ*	*141,0*	*41,8*	*60 tháng*	*61.659*
XXV	***Phường Hải Vân***						
1	*Trụ sở Trạm Kiểm lâm Bàu Bàng cũ*	*Phường Hải Vân*	*Thương mại dịch vụ*	*700,0*	*68,0*		*20.904*
2	*Trụ sở Trạm Kiểm lâm Hòa Bắc*	*Phường Hải Vân*	*Thương mại dịch vụ*	*542,0*	*250,0*		*117.254*

cuongquyd25/03/2026 14:03:42 Cuongdt - cuongdgnhuydonghai